

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2025/HS-ST

Ngày: 23/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Định

- Bà Huỳnh Ngọc Anh

Thư kN phiên tòa: Bà Vy Trần Bảo Phương - Thư kN Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ LN số 77/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Võ Văn N**, giới tính: Nam, sinh ngày: 12/04/1995, nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi thường trú: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, nghề nghiệp: Không, trình độ học vấn: 06/12; con ông: Võ Văn Q, sinh năm 1966 và bà: Trần Thị A, sinh năm 1966, vợ con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 13/06/2018, tại Bản án số 23/2018/HS-ST bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành án xong ngày 30/10/2019.

(Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/01/2025 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Đ và có mặt tại phiên tòa)

* **Bị hại:** Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 2004. Trú tại: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Hồ Quang S, sinh năm 2001. Trú tại: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- Ông Đoàn Thanh B, sinh năm 1996. Trú tại: Số A, đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 20/10/2024, Võ Văn N (sinh năm 1995, HKTT: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) mượn 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số: 49E2-002.71 của em gái là Võ Thị Thanh T (sinh 2004, HKTT: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) để đi đám cưới tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi đi đám cưới xong, vì cần tiền tiêu xài cá nhân nên N đã nảy sinh N định đem xe của em gái đi cầm cố lấy tiền. Do đó, N liên hệ với bạn của mình là Đoàn Thanh B (sinh năm 1996, HKTT: Số B đường N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) để đặt vấn đề cầm cố xe mô tô biển số: 49E1-002.71. Do có quen biết từ trước nên B tin tưởng N, đồng N nhận cầm chiếc xe mô tô trên, không làm giấy tờ. Sau đó, N điều khiển xe đến nhà B, để lại xe, chìa khóa xe và B chuyển khoản cho N vào số tài khoản 1021962057 (là tài khoản của N mở tại ngân hàng Vietcombank) với số tiền 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*), B chuyển khoản theo yêu cầu của N để trả nợ vào số tài khoản 0825640758 mở tại ngân hàng MB Bank đứng tên Hồ Quang S (sinh năm 2001, HKTT: Thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) với số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*). Quá trình mang cầm cố xe máy của T cho B, Võ Văn N không thông báo cũng như không được sự đồng ý của chủ xe. Sau khi nhận được số tiền 3.200.000 đồng (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*) từ B, N đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 22/10/2024, Võ Văn N về nhà. Do không thấy N đi xe máy về nên Võ Thị Thanh T hỏi và yêu cầu N trả xe nhưng N nói đã cho bạn mượn, T biết rằng N đã mang xe của mình đi cầm nên đã nộp đơn tố cáo Võ Văn N về hành vi chiếm đoạt tài sản đến Công an xã P.

Kết luận định giá tài sản số 121/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: xe mô tô biển số 49E2-002.71 là: 21.333.000 đồng (Hai mươi một triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION, biển số: 49E1-002.71
- Tiền mặt 400.000 đồng gồm: 02 tờ polyme trị giá 200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Võ Thị Thanh T đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự, đồng thời có đơn xin bãi nại.

Ông Đoàn Thanh B yêu cầu Võ Văn N trả lại số tiền 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*). Đến nay, Võ Văn N chưa trả số tiền trên.

Tại Bản cáo trạng số 87/CT - VKSĐT ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Võ Văn N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ thực hành quyền công tố giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố; Đề nghị tuyên bố bị cáo Võ Văn N về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn N từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi như bản cáo trạng truy tố, không thắc mắc khiếu nại gì về bản cáo trạng và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo không N kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì về vấn đề dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được làm rõ. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do vậy căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản lời khai của bị hại và phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở khẳng định: Vào ngày 20/10/2024, Võ Văn N mượn xe mô tô biển số 49E2-002.71 của em gái là Võ Thị Thanh T để đi ăn cưới. Sau khi đi ăn cưới xong, Võ Văn N vì thiếu tiền tiêu xài cá nhân nên đã tự N mang xe mô tô của T đi cầm cố cho Đoàn Thanh B lấy tiền sử dụng cho mục đích cá nhân dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho chị T, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị 21.333.000 đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Võ Văn N phạm tội phạm tội về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính mức độ nguy hiểm cho xã hội của bị cáo Võ Văn N thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, bị cáo nhận thức được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng vì để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của người thân trong gia đình chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, và gây ảnh hưởng đến an

ninh trật tự xã hội, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân tại địa phương thể hiện sự coi thường pháp luật, nên cần phải xử bị cáo thật nghiêm.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà nay tiếp tục phạm tội và hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy của UBND xã P. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại nhận lại tài sản và có đơn xin bãi nại cho bị cáo nên khi lượng hình Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bà Võ Thị Thanh T đã nhận được tài sản nên không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự; đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Thanh B cầm cố chiếc xe của bị cáo quá trình điều tra ông B yêu cầu Võ Văn N trả lại số tiền 3.600.000 đồng bị cáo chưa trả. Xét thấy yêu cầu trên là phù hợp, đúng pháp luật nên cần buộc bị cáo trả lại số tiền 3.600.000 đồng cho ông B (được khấu trừ số tiền 400.000 đồng theo giấy nộp tiền số 11354110 ngày 04/4/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam).

[7] Từ những phân tích và nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo Võ Văn N ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện rèn luyện, cải tạo mình trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, góp phần phòng ngừa chung trong xã hội.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Võ Văn N** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn N 18 (mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13/01/2025.

2/ Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự; buộc bị cáo Võ Văn N có nghĩa vụ trả lại cho ông Đoàn Thanh B số tiền 3.600.000 đồng (được khấu trừ số tiền 400.000 đồng theo giấy nộp tiền số 11354110 ngày 04/4/2025 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần công thương Việt Nam). Bị cáo còn phải trả cho ông B số tiền 3.200.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Võ Văn N phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo; riêng bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA phạt tù;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Đăng Vương